

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 57/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 27-9-2017

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Chung**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Thị Amina**;

Ông **Phan Ngọc Thạch**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Văn Cường** là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Vỉnh** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 349/2017/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Kiều Thị Xuân T**, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Tổ 11, ấp 3, xã D, huyện T, tỉnh Tây Ninh (Có mặt).

Bị đơn: Anh **Lê Văn Phú**, sinh năm 1982; địa chỉ cư trú: Tổ 11, ấp 3, xã D, huyện T, tỉnh Tây Ninh (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/5/2017 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Kiều Thị Xuân T trình bày:

Chị và anh P chung sống với nhau vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Suối Dây, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do anh P không lo làm ăn, không chăm lo cho gia đình. Chị đã cho anh P nhiều cơ hội để

sửa chữa nhưng anh P vẫn không sửa đổi mà ngày càng đối xử tệ hơn với chị. Anh chị đã không còn chung sống với nhau đến nay đã hơn 01 năm. Nhận thấy hôn nhân giữa anh chị không hạnh phúc như mong muốn, tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn với anh P.

Anh chị có hai con chung tên Lê Thị Kiều Trinh, sinh ngày 25/5/2007 và Lê Trung Nguyên, sinh ngày 16/11/2008, đang sống với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn P trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về các vấn đề hôn nhân, mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung. Do vẫn còn tình cảm với chị T nên anh không đồng ý ly hôn.

Nếu Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn thì anh đồng ý giao hai con chung cho chị T nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Châu đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh P. Giao hai con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, ghi nhận chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Ghi nhận chị T anh P đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh P là bị đơn trong vụ án đã có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh P.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh P đều thừa nhận chung sống với nhau vào năm 2005 và có đăng ký kết hôn ngày 08/11/2006 tại Ủy ban nhân dân xã Suối Dây, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh. Quá trình chung sống anh chị xảy ra nhiều

mâu thuẫn từ đầu năm 2016 đến nay không hàn gắn được. Căn cứ vào Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử công nhận đây là sự thật. Chị T cho rằng anh P không lo làm ăn, không chăm lo cho gia đình; chị đã cho anh P nhiều cơ hội để sửa chữa nhưng anh P vẫn không thay đổi; chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn. Anh P thừa nhận từ đầu năm 2016 đến nay do anh không chăm lo cho gia đình dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn; tuy nhiên, anh vẫn còn tình cảm với chị T nên anh không đồng ý ly hôn. Xét lời trình bày và yêu cầu của anh chị thấy rằng: Anh chị thực tế có mâu thuẫn với nhau trong một khoảng thời gian dài không điều hòa được. Anh chị cũng thừa nhận đã không còn chung sống với nhau đã hơn 01 năm. Chị T không còn tình cảm với anh P và cương quyết ly hôn. Do đó, đã có đủ cơ sở xác định anh chị không xây dựng được hạnh phúc gia đình, tình trạng hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh chị có hai con chung là Lê Thị Kiều Trinh, sinh ngày 25/5/2007 và Lê Trung Nguyên, sinh ngày 16/11/2008, đang sống với chị T. Quá trình giải quyết vụ án thể hiện anh P đồng ý giao hai con chung cho chị T nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh P đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Kiều Thị Xuân T với anh Lê Văn P. Chị Kiều Thị Xuân T được ly hôn với anh Lê Văn P. Giữa chị Kiều Thị Xuân T và anh Lê Văn P không còn quyền và nghĩa vụ vợ chồng.

2- Về con chung: Giao hai con chung tên Lê Thị Kiều Trinh, sinh ngày 25/5/2007 và Lê Trung Nguyên, sinh ngày 16/11/2008 cho chị Kiều Thị Xuân T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị Kiều Thị Xuân T không yêu cầu anh Lê Văn P phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Lê Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Kiều Thị Xuân T và anh Lê Văn P đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

4- Về án phí: Chị Kiều Thị Xuân T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0024355 ngày 26/6/2017, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; chị Kiều Thị Xuân T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho chị T biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

Nguyễn Thành Chung